

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa,
nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Kon Rẫy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về ban hành quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước của tỉnh Kon Tum;

UBND huyện Kon Rẫy kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy, với các nội dung chủ yếu sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Kon Tum.
4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Kon Rẫy.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Đăk Rve và xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 49.974.871.000 đồng (*Bốn mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*).
 - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.
 - Mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

Năm	Vốn Ngân sách Trung ương	Vốn Ngân sách địa phương	Nguồn vốn khác
Năm thứ 1 (2021)		20.000.000.000	
Năm thứ 2 (2022)		20.000.000.000	
Năm thứ 3 (2023)		9.974.871.000	

7. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 trở đi.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

1.1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư

Tuyến đường ĐH 22 có tổng chiều dài khoảng 11 km là một trong những tuyến giao thông huyết mạch của huyện Kon Rẫy kết nối Trung tâm thị trấn Đăk Rve với xã Đăk Pnê và huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai, là tuyến đường lưu thông hàng hóa, nông sản chủ đạo của người dân xã Đăk Pnê nói riêng và người dân huyện Kon Rẫy nói chung. Năm 2005, tuyến đường được Nhà nước đầu tư cứng

hóa (thâm nhập nhựa) theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng từ năm 2007.

Do ảnh hưởng các đợt áp thấp nhiệt đới, các cơn bão năm 2020; đặc biệt là cơn bão số 9 đã cuốn trôi hoàn toàn cầu giàn sắt tại lý trình Km6+684 gây chia cắt 03 thôn của xã Đăk Pnê (khoảng 438 hộ/1.600 nhân khẩu) với trung tâm huyện; do đó hàng hóa, nông sản của người dân bị tồn đọng, việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn; ảnh hưởng đến thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội của xã Đăk Pnê. Bên cạnh đó, trải qua thời gian khai thác, sử dụng kéo dài hiện trạng nền, mặt đường nhiều vị trí đã xuống cấp, hư hỏng nặng, hạn chế khả năng đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên tuyến, cử tri trên địa bàn xã Đăk Pnê thường xuyên bức xúc, kiến nghị.

Để giải quyết những khó khăn, cấp thiết nêu trên nhằm định hướng phát triển lâu dài, bền vững cho xã Đăk Pnê về các mặt như: Tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và môi trường; tạo điều kiện thúc đẩy nhanh lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới xã Đăk Pnê và huyện NTM, phát triển kinh tế - xã hội của xã Đăk Pnê bền vững và nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Do vậy, việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐH 22 là hết sức cấp thiết và cấp bách.

* Các điều kiện để thực hiện dự án: Trình tự, thủ tục được lập, trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư tuân thủ thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

1.2. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy đảm bảo phù hợp với các quy hoạch sau:

- *Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội*: Đảm bảo phù hợp theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Kon Rẫy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/12/2013.

- *Về quy hoạch xây dựng*: Dự án đã được cập nhật vào Đồ án Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016.

- *Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*: Công trình đầu tư sửa chữa, nâng cấp trên tuyến đường hiện hữu, do vậy đảm bảo phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

* Ngoài ra, Dự án không ảnh hưởng, không chồng lấp đến các công trình hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự án không phải thực hiện tái định cư.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

2.1. *Mục tiêu đầu tư*: Phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa được thuận lợi; đồng thời kết nối với mạng lưới giao thông trong vùng tạo thành mạng

lưới giao thông thông suốt phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã Đăk Pnê nói riêng và huyện Kon Rẫy nói chung, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội.

2.2. Nội dung và quy mô đầu tư:

* Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

* Phần đường:

- Chiều dài xây dựng khoảng $L = 9,54$ km (không bao gồm chiều dài cầu và đường hai đầu cầu), có lý trình điểm đầu tại Km1+500 (đầu cầu treo Thôn 3, thị trấn Đăk Rve) đến điểm cuối Km11+00 (giao với đường BTXM liên thôn xã Đăk Pnê). Riêng đoạn tuyến từ Km0 đến Km 1+500 đã được đầu tư nâng cấp nền, mặt đường, do đó tạm thời tận dụng không đề xuất sửa chữa, nâng cấp.

- Cấp đường: Cấp V miền núi.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5$ m; Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5$ m; Bề rộng lề đường mỗi bên từ $1 \div 1,5$ m.

- Bình diện tuyến cơ bản bám theo đường hiện hữu, chỉnh tuyến cục bộ tại một vài vị trí để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tầm nhìn và êm thuận lưu thông.

- Kết cấu mặt đường, lề đường: Thảm mới toàn bộ 01 lớp BTNC.

- Công trình thoát nước: Cơ bản tận dụng, sửa chữa các vị trí bị hỏng, bổ sung mới các vị trí thiết yếu, các vị trí không đảm bảo thoát nước.

- Công trình an toàn giao thông: Tận dụng, sửa chữa và bổ sung các hạng mục còn thiếu theo QCVN 41:2019/BGTVT.

* Phần cầu:

- Đầu tư xây dựng mới 01 cầu tại lý trình khoảng Km6+684 bằng bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực, cách tim cầu tạm (thay thế cầu cũ bị lũ cuốn trôi năm 2020) khoảng 15m về phía hạ lưu và tận dụng 01 cầu giàn sắt hiện hữu tại lý trình khoảng Km8+313.

- Chiều dài cầu khoảng $L = 165,0$ m (gồm cầu và đường hai đầu cầu).

- Sơ đồ cầu: gồm 03 nhịp giản đơn, mỗi nhịp dài 33m.

- Khổ cầu $B = 7$ m.

- Tàn suất tính toán $P = 1\%$;

- Tải trọng thiết kế: HL93.

- An toàn giao thông: Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

2.3. Địa điểm và phạm vi đầu tư: Diện tích đất sử dụng khoảng 9,0 ha, tại thị trấn Đăk Rve và xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (chủ yếu là đất của đường hiện hữu).

3. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 49.974.871.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 40.566.392.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 863.437.000 đồng
- Chi phí tư vấn: 3.301.374.000 đồng
- Chi phí khác: 700.498.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 4.543.170.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả. Đây là dự án nhóm C, dự kiến sẽ đầu tư hoàn thành dự án trong 03 năm. Do vậy được phân kỳ khả năng cân đối vốn và thời gian thực hiện dự án như sau:

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Năm	Ngân sách địa phương	Ghi chú
	Tổng số	49.974.871.000	
01	Năm 2021	20.000.000.000	
02	Năm 2022	20.000.000.000	
03	Năm 2023	9.974.871.000	

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

6.1. Tác động về môi trường, xã hội của dự án: Đây là công trình đường giao thông được đầu tư xây dựng theo quy hoạch, nên không có tác động lớn đến vấn đề môi trường, xã hội.

6.2. Sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội của dự án:

- *Hiệu quả về kinh tế:* Sau khi đầu tư xây dựng hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng không xét đến việc thu hồi nguồn vốn đầu tư bỏ ra xây dựng công trình, nên hiệu quả về mặt kinh tế chủ yếu thể hiện ở những nội dung sau:

+ Đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân trên địa bàn huyện, khai thác tiềm năng lợi thế và sử dụng có hiệu quả quỹ đất tập trung lớn; từng bước hình thành các khu dân cư mới trong tương lai.

+ Ổn định, phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; góp phần quan trọng trong việc quản lý và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Về xã hội: Giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong khu vực; đảm bảo quốc phòng-an ninh.

7. Phân chia các dự án thành phần: Dự án không phân chia thành các dự án thành phần.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Hình thức đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

- Phương thức tổ chức thực hiện: Theo đúng quy định hiện hành.

- Trong quá trình thi công phải tuân thủ theo các qui định về phòng hoả, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

9. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công và các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

UBND huyện Kon Rẫy kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh xem xét thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT; 02 PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Lương

BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021
của UBND huyện Kon Rẫy

TT	Hạng mục chi phí	Thành tiền	Ký hiệu	Cách tính
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, GPMB			
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	57.514.888.000	Gxd	$Gxd = Gxd1 + \dots + Gxd14$
1	*\1- Nền đường:	214.122.000	Gxd1	
	*\2- Mặt đường	12.033.503.000	Gxd2	
	*\3- Lề đường:	9.672.488.000	Gxd3	
	*\4- Rãnh dọc gia cố hình thang KT(40*120*40)cm	377.705.000	Gxd4	
	*\5- Cống bản 80*60	382.572.000	Gxd5	
	*\6- Nối cống và nạo vét các cống hiện hữu:	841.586.000	Gxd6	
	*\7- Cống hộp 300*300	500.305.000	Gxd7	
	*\8- Bậc nước:	96.212.000	Gxd8	
	*\9- Cầu BTCTm B=7,0, l=3*33	22.427.131.000	Gxd9	
	*\10- Cầu BTCTm B=7,0, l=33	9.496.173.000	Gxd10	
	*\11- Gia cố mái ta luy đổ tại chỗ	175.797.000	Gxd11	
	*\12- Gia cố mái ta luy = tấm đan	598.952.000	Gxd12	
	*\13- Tường chắn H=4m	615.704.000	Gxd13	
	*\14- Công trình ATGT	82.638.000	Gxd14	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.152.755.000	Gqlda	$(Gxd + Gtb) * 2,2047\%$
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	4.394.303.000	Gtv	$Gtv = Gtv1 + \dots + Gtv20$
A	Giai đoạn lập Báo cáo NCKT			
1	Chi phí khảo sát BCNCKT	486.500.000	Gtv1	<i>Tạm tính</i>
2	Chi phí lập báo cáo NCKT	282.570.645	Gtv2	$(Gxd) * 0,4913\%$
3	Chi phí thẩm tra BCNCKT	90.298.374	Gtv3	$(Gxd) * 0,157\%$
4	Chi phí giám sát khảo sát bước dự án	19.810.280	Gtv4	$(Gtv1) * 4,072\%$
5	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước dự án	14.595.000	Gtv5	$(Gtv1) * 3\%$
B	Giai đoạn thiết kế BVTC-DT			
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập thiết kế BVTC -DT	583.800.000	Gtv1	<i>Tạm tính</i>
2	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	664.181.927	Gtv2	$(Gxd) * 1,1548\%$

3	Chi phí giám sát khảo sát bước TKBVTC	23.772.336	Gtv3	$(Gtv1)*4,072\%$
4	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bướcTKBVTC	17.514.000	Gtv4	$(Gtv1)*3\%$
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSMT xây lắp	83.051.498	Gtv5	$(Gxd+HMC)*0,1444\%$
6	Chi phí giám sát thi công xây lắp	1.339.981.861	Gtv6	$(Ggt)*2,3298\%$
7	Chi phí kiểm định	468.993.651	Gtv7	Tạm tính 35%Gtvgs
8	Chi phí thử tải cầu	319.233.042	Gtv8	Tạm tính 1% Gxd cầu
V	CHI PHÍ KHÁC	837.005.000	Gk	$Gk=Gk1+...+Gk13$
1	Lệ phí thẩm định dự án	9.468.426	Gk1	$TM *0,015\%$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	81.629.371	Gk2	$TMĐT*50%*0,285\%$
3	Chi phí kiểm toán	283.554.657	Gk3	$TMĐT*0,45\%$
4	Chi phí thẩm định thiết kế	10.927.829	Gk4	$Gxd*0,0209\%$
5	Chi phí thẩm định dự toán	10.300.394	Gk5	$Gxd*0,0197\%$
6	Chi phí thẩm định HSMT xây lắp	26.143.131	Gk6	$(Gxd+HMC)*0,05\%$ và ≥ 1000000
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	26.143.131	Gk7	$(Gxd+HMC)*0,05\%$ và ≥ 1000000
8	Chi phí bảo hiểm công trình	267.021.763	Gk8	$""Gxdc*0,62\%"+Gxdd*0,27\%""$
9	Chi phí nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	121.816.533	Gk9	Tạm tính 10%Gtvgs
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	6.389.895.000	Gdp	$Gdp=Gdp1 + Gdp2$
1	Dự phòng phí cho yếu tố phát sinh KL	3.194.947.550	Gdp1	$Gdp1=(II+...+VII)*5\%$
1	Dự phòng phí cho yếu tố trượt giá	3.194.947.550	Gdp1	$Gdp1=(II+...+VII)*5\%$
VII	TỔNG CỘNG	70.288.846.000		$I+...+VII$